

Số: /KH-UBND

Lào Cai, ngày tháng 3 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 103/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc về việc quy trình giám sát, đánh giá thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 19/4/2022 của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển

kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Nghị quyết 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư phát triển năm 2024 tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Nghị quyết 58/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 tỉnh Lào Cai.

Để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2024 được hiệu quả, thiết thực; đồng thời huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân tham gia thực hiện, Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2024, cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2023

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của chương trình

Năm 2023 có 20/29 chỉ tiêu, mục tiêu thực hiện chương trình đạt kế hoạch đề ra. Trong đó có nhiều chỉ tiêu vượt kế hoạch như: Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai 4 lần/3 thời kỳ đạt 63,6% (tăng 4,9 điểm % so với KH), có 1.674 cán bộ, công chức, viên chức thuộc Đối tượng 4 được bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc (bằng 126,8% KH giao).

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, còn 08/29 chỉ tiêu không đạt kế hoạch đề ra bao gồm: (1) Số xã thoát diện đặc biệt khó khăn; (2) Số thôn thoát diện đặc biệt khó khăn; (3) Giảm tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào DTTS; (4) Tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố; (5) Tỷ lệ hộ dân người DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; (6) Số hộ được sắp xếp, ổn định dân cư; (7) Tỷ lệ người dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế; (8) Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ (CLB) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng; (9) Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng.

Tính đến hết năm 2023 có 06/29 chỉ tiêu, mục tiêu thực hiện chương trình đạt và vượt kế hoạch giai đoạn 2021-2025¹ đề ra bao gồm: Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; Tỷ lệ học đến trường (Mẫu giáo, tiểu học, THCS, THPT); Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng được hỗ trợ tăng cường dinh dưỡng. Tỉnh Lào Cai phấn đấu hoàn thành tất cả các chỉ tiêu khi kết thúc Chương trình.

¹ Kế hoạch số 284/KH-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh.

2. Vốn kế hoạch năm 2023: Tổng vốn huy động để thực hiện Chương trình là 1.665.747 triệu đồng, trong đó:

- Tổng số vốn nguồn NSTW thực hiện chương trình MTQG 1719 giao năm 2022 chuyển nguồn và 2023 trên địa bàn tỉnh Lào Cai là 1.183.235 triệu đồng, gồm Vốn đầu tư: 522.109 triệu đồng; (*Năm 2022: 11.680 triệu đồng; Năm 2023: 510.429 triệu đồng*); Vốn Sự nghiệp: 661.126 triệu đồng; (*Năm 2022: 104.190 triệu đồng; Năm 2023: 556.936 triệu đồng*).

- Vốn ngân sách tỉnh: 287.590 triệu đồng;
- Vốn ngân sách huyện: 38.086 triệu đồng;
- Vốn huy động cộng đồng: 84.000 triệu đồng;
- Vốn tín dụng dư nợ: 72.836 triệu đồng.

* **Kết quả giải ngân:** Đến 31/01/2024 toàn tỉnh đã giải ngân 1.228.536/1.665.747 triệu đồng, đạt 73,75%, cụ thể:

- Vốn ngân sách trung ương giao giải ngân 777.967/1.183.235 triệu đồng, đạt 65,8% kế hoạch vốn trung ương giao, trong đó:

- + Vốn đầu tư giải ngân 492.488/522.109 triệu đồng, đạt 94% KH.
- + Vốn sự nghiệp giải ngân 285.479/661.126 triệu đồng, đạt 43,2% KH; đạt 50,8% vốn đã phân bổ chi tiết.

- Vốn ngân sách tỉnh: 271.661 triệu đồng;
- Vốn ngân sách huyện: 38.086 triệu đồng;
- Vốn huy động cộng đồng: 68.194 triệu đồng;
- Vốn tín dụng dư nợ 72.628 triệu đồng, trong đó:

+ Vay theo Nghị định 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ dự nợ 50.728/50.836 triệu đồng với 848 khách hàng vay vốn;

+ Vay theo Nghị quyết số 06 của HĐND tỉnh để phát triển các điểm du lịch cộng đồng để thực hiện Dự án 6 là 21.900/22.000 triệu đồng đạt 100% KH giao. Trong đó cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị 300 triệu đồng với 3 khách hàng; Hỗ trợ vay vốn đầu tư Điểm du lịch 21.600 triệu đồng với 213 khách hàng.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2024

1. Mục tiêu: Phân đầu thực hiện đạt các chỉ tiêu, mục tiêu như:

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Chuẩn đa chiều khoảng 5%.

- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt 100%; 81,7% phòng học được xây dựng kiên cố; 97,7% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 96,8% hộ dân người DTTS

được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình đạt 98,2%, được nghe đài phát thanh đạt 99,6%.

- Thực hiện ổn định sắp xếp dân cư nơi cần thiết cho 473 hộ.

- Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 4 tuổi và 5 tuổi đến trường đạt 99,7%; học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường đạt 99,7%; học sinh trong độ tuổi học trung học cơ sở đến trường đạt 99,5%; học sinh trong độ tuổi học trung học phổ thông (bao gồm THPT; giáo dục thường xuyên; học nghề) đạt 75,5%; Tỷ lệ người từ 15 đến 60 tuổi đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông đạt 94,7%.

- Tỷ lệ đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế đạt 97,2%. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai 4 lần/3 thời kỳ đạt 66,5%. Tỷ lệ phụ nữ sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự giúp đỡ của cán bộ y tế đỡ đạt 91%. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi) còn dưới 26%; Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (Cân nặng/tuổi) còn dưới 15%.

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề đạt 55,1%.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, xoá bỏ dần các phong tục tập quán lạc hậu. 98% thôn, bản có nhà sinh hoạt cộng đồng; 68% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (hoặc câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương; 95% cán bộ, công chức, viên chức thuộc Đối tượng 4 được bồi dưỡng kiến thức về chính sách dân tộc, công tác dân tộc...

2. Nội dung, nhiệm vụ các dự án thành phần của chương trình

2.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

- Nội dung 1: Hỗ trợ đất ở: Tiếp tục rà soát để tổ chức thực hiện hỗ trợ cho các hộ thuộc đối tượng Chương trình và ưu tiên địa bàn một số huyện nghèo phù hợp Kế hoạch đầu tư theo Chương trình cả giai đoạn 2021- 2025 đã được UBND tỉnh giao.

- Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở: Hỗ trợ các hộ DTTS nghèo vùng DTTS và miền núi chưa có nhà và nhà ở dột nát (trừ 4 huyện nghèo được đầu tư hỗ trợ bằng nguồn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững).

- Nội dung 3: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề

- + Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: Đẩy mạnh công rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tạo quỹ đất sản xuất để hỗ trợ cho các hộ chưa có đất sản xuất.

- + Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Hỗ trợ chuyển đổi nghề cho trên 100 hộ chưa có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức nhưng địa phương không còn quỹ đất để hỗ trợ trực tiếp, thì được chuyển đổi nghề và được vay vốn từ ngân hàng

CSXH theo quy định tại mục 2 điều 23 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ;

- Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Tiếp tục hỗ trợ cho trên 2000 hộ DTTS nghèo vùng DTTS và miền núi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung để các hộ thực hiện mua sắm trang bị hoặc mua các vật dụng chứa nước phục vụ sinh hoạt của người dân.

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Hoàn thành các công trình CNSH tập trung đã khởi công năm 2023 để sớm đưa vào sử dụng; khởi công mới một số công trình CNSH tập trung trong kế hoạch giai đoạn 2021-2025.

2.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết.

- Dự án sắp xếp dân cư tập trung: Tiếp tục thực hiện, hoàn thiện đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu để sớm bố trí sắp xếp di chuyển, ổn định cho các hộ dân theo kế hoạch.

- Dự án sắp xếp dân cư xen ghép: tập trung rà soát, quy hoạch, tạo quỹ đất bố trí dân cư xen ghép, hoàn thiện thủ tục hồ sơ các dự án để thực hiện hỗ trợ cho số hộ đã giao các năm 2022, 2023 chưa thực hiện và dự kiến thực hiện sắp xếp 473 hộ thuộc kế hoạch sắp xếp năm 2024.

2.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

2.3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân: Thực hiện hỗ trợ bảo vệ 115.803 ha rừng; trồng rừng 1.988 ha.

2.3.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, sinh kế cộng đồng: Tiếp tục thực hiện các dự án chuyển tiếp năm 2023 (23 dự án phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị và 20 dự án sinh kế cộng đồng); đồng thời triển khai các dự án mới năm 2024.

- Nội dung 2: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý

(1) Quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu thị xã Sa Pa giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030, cụ thể:

+ Quy hoạch chi tiết vùng trồng, các loại dược liệu trồng: Quy hoạch vùng trồng dược liệu trọng điểm có độ cao từ 800m trở lên trên tất cả các loại đất trong địa bàn thị xã; quy hoạch các loại cây dược liệu trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng.

+ Quy hoạch vùng khai thác tận thu: Bao gồm đánh giá chất lượng, trữ lượng dược liệu và đưa ra kế hoạch tận thu hàng năm ở rừng tự nhiên, khu bảo tồn.

(2) Hoàn thiện phê duyệt dự án, phê duyệt dự toán chi tiết để thực hiện Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý”.

(3) Thực hiện phát triển trồng cây dược liệu trên địa bàn thị xã Sa Pa thành vùng dược liệu trọng điểm của tỉnh Lào Cai với quy mô đến năm 2025 sản xuất với diện tích 210 ha và đến định hướng đến năm 2030 sản xuất với diện tích trên 300 ha.

(4) Hình thành chuỗi giá trị dược liệu có ít nhất 5 doanh nghiệp, HTX sản xuất và sơ chế dược liệu; nâng cấp mở rộng xưởng chế biến dược liệu ứng công nghệ chế biến cao, xưởng sơ chế đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GACP - WHO phục vụ sản xuất thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và xuất khẩu nguyên liệu.

(5) Hoàn thiện việc xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý các loài cây dược liệu và sản phẩm dược liệu của Sa Pa - Lào Cai trong nước và Quốc tế;

(6) Hình thành ngành nghề mới về trồng, chăm sóc, chế biến dược liệu tạo việc làm cho 300 - 400 hộ gia đình với khoảng 1200 - 1500 lao động, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần góp phần xóa đói giảm nghèo trên địa bàn thị xã nhanh và bền vững.

- Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

+ Thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN: Tổ chức tuần lễ quảng bá thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm sản phẩm, các phiên chợ văn hóa, hội chợ giới thiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại, thu hút đầu tư vùng DTTS và miền núi; Tổ chức Hội nghị kết nối giao thương, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Lào Cai”

+ Hỗ trợ triển khai một số mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đảm bảo nguyên tắc mỗi xã ĐBKK có tối thiểu 01 mô hình khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp được hỗ trợ.

2.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tập trung đẩy nhanh thi công 328 công trình chuyển tiếp năm 2023 (18 CT đường đến TT xã/150,06km; 02 CT chợ nông thôn, 01 CT trạm y tế; 307 công trình đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã), hoàn thành khối lượng, sớm bàn giao đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả vốn đầu tư; thực hiện thanh quyết toán theo quy định;

- Bố trí khởi công mới năm 2024 một số công trình theo Kế hoạch cả giai đoạn, phù hợp khả năng cân đối vốn đầu tư, tránh tình trạng nợ đọng khối lượng xây dựng;

- Thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn vùng các xã, thôn đặc biệt khó khăn, đảm bảo các công trình sau đầu tư được duy tu, bảo dưỡng theo quy định.

- Tăng cường quản lý chất lượng các dự án đầu tư (bao gồm cả khâu lựa chọn danh mục các dự án để đầu tư và khâu quản lý chất lượng các dự án được đầu tư) để nâng cao hiệu quả của Chương trình.

2.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

2.5.1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tập trung đẩy nhanh thi công 47 công trình trường PTDT Nội trú, Bán trú chuyển tiếp năm 2023; Hoàn thiện các thủ tục hồ sơ thanh quyết toán theo quy định.

- Thực hiện mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cho các trường PTDT Nội trú, Bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú (*ưu tiên đầu tư trang thiết bị dạy học phục vụ công tác chuyển đổi số như Ti vi, máy tính, hệ thống mạng...*).

- Cấp tỉnh: tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng dạy và học như: Tập huấn triển khai chương trình, sách giáo khoa XMC theo Thông tư 33 (giai đoạn 2 đối với lớp 4, 5); hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực các môn học thuộc Chương trình XMC mới; Tập huấn nghiệm thu, đánh giá, xếp loại học viên XMC theo Thông tư 10/2022/TT-BGDĐT; đẩy mạnh hoạt động học tập tại các lớp XMC gắn với hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng; duy trì bền vững kết quả biết chữ, chống tái mù chữ; Tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho CBQL, giáo viên về hướng nghiệp, khởi nghiệp cho học sinh các trường PTDTNT, PTDTBT; Tập huấn nâng cao chất lượng ứng dụng phần mềm trong hoạt động chuyên môn, quản lý hồ sơ, quản lý văn bản cho đội ngũ CBQL, GV các trường PT DTBT, PT BDNT, trường PT có học sinh bán trú;

- Cấp huyện: Rà soát, huy động người dân tham gia các lớp xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau biết chữ đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch giao tại Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh.

2.5.2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc.

- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc: Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho 400 người là đối tượng 3; 800 người là đối tượng 4 (đối tượng bồi dưỡng theo Quyết định số 771/QĐ-TTG ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ);

- Tổ chức 4 lớp dạy tiếng dân tộc HMông và tiếng dân tộc Tày cho 160 cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã;

- Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học: Hỗ trợ học bổng; chi phí học tập; học phí cho học sinh được UBND tỉnh cử đi học cử tuyển tại các trường

Đại học theo quy định. Dự kiến tuyển mới 30 học sinh đi đào tạo bác sỹ đa khoa, giáo viên.

2.5.3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Xây dựng mới chương trình đào tạo; in chương trình, giáo trình, số hoá giáo trình; Tuyên truyền về tuyển sinh, các ngành nghề đào tạo gắn tại các trường THCS, THPT hướng tới cho học sinh lựa chọn; hỗ trợ 15 người xuất khẩu lao động;

- Tổ chức các lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng và đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn;

- Tổ chức truyền thông, tập huấn nâng cao năng lực; kiểm tra giám sát; Tổ chức ngày hội việc làm cấp tỉnh, cấp huyện; tổ chức các phiên giao dịch, thu hút các doanh nghiệp tham gia tuyển dụng với khoảng 20.000 lượt lao động tham gia nghe tuyên truyền, tư vấn việc làm...

2.5.4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

- Thực hiện nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp trực tiếp tham mưu thực hiện chương trình, trong đó ưu tiên tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ công chức cấp xã về các lĩnh vực như; năng lực làm chủ đầu tư, thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù; công tác lập kế hoạch, đối với cộng đồng người dân: ưu tiên những thôn sẽ trực tiếp thực hiện những nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần...Tổ chức các đoàn đi học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các địa phương trong và ngoài tỉnh cho các đối tượng trực tiếp thực hiện Chương trình các cấp, trong đó: các cơ quan cấp tỉnh dự kiến thực hiện: Tiếp tục thực hiện 46 lớp tập huấn (nguồn vốn đã giao của năm 2022 và năm 2023 chưa thực hiện) cho 4904 lượt người, trong đó: tập huấn cho công chức cấp huyện, xã 14 lớp/1.064 người; cho cộng đồng người dân 32 lớp/3.840 người; Tổ chức 53 lớp tập huấn thuộc nguồn vốn giao năm 2024 cho 5.094 lượt người, trong đó: tập huấn cho công chức cấp huyện, xã 29 lớp/2.614 người; cho cộng đồng người dân 24 lớp/2.480 người; tổ chức 02 đoàn/40 người đi học tập kinh nghiệm thực hiện Chương trình tại một số tỉnh.

2.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

- Tổ chức khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của dân tộc người HMông, dân tộc Xa Phó, dân tộc Dao.

- Tổ chức bảo tồn, phát huy lễ hội truyền thống tiêu biểu các dân tộc thiểu số khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch: 13 lễ hội truyền thống tiêu biểu các dân tộc thiểu số tại các huyện Bắc Hà, Si Ma Cai, Bảo Thắng, Văn Bàn, Bảo Yên, Bát Xát, thị xã Sa Pa và thành phố Lào Cai.

- Hỗ trợ 03 nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người dân tộc thiểu số trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận.

- Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể:

- Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một: 01 chương trình nghiên cứu khoa học về di sản văn hóa phi vật thể người HMông tại Bản Tổng Kim, xã Vĩnh Yên huyện Bảo Yên;

- Xây dựng 37 Câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian (Câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân tộc: Nùng; Nùng Dín, dân tộc Giáy; dân tộc Bó Y; dân tộc Thu Lao..., trên địa bàn các huyện: Si Ma Cai; Bắc Hà; Mường Khương; Văn Bàn; Bảo Yên; Bảo Thắng, thị xã Sa Pa, thành phố Lào Cai);

- Hỗ trợ 57 đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng 03 điểm du lịch tại huyện Bát Xát, Bảo Yên, Văn Bàn;

- Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào DTTS cấp phát cho cộng đồng các DTTS: Nghiên cứu, biên soạn cuốn sách “Âm thực các dân tộc ở Lào Cai”.

- Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS; 07 cuộc tại các huyện: Si Ma Cai; Bắc Hà; Bát Xát; Văn Bàn; Bảo Yên; Bảo Thắng và thành phố Lào Cai.

- Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá rộng rãi giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; chương trình quảng bá xúc tiến du lịch các vùng đồng bào DTTS và miền núi kết hợp nghiên cứu, khảo sát tiềm năng du lịch, lựa chọn xây dựng sản phẩm đặc trưng cho vùng đồng bào DTTS và miền núi cho các huyện Bát Xát, Bảo Yên, Si Ma Cai.

- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn 04 làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số tại thị xã Sa Pa, huyện Bảo Yên, huyện Bắc Hà, huyện Bát Xát.

- Hỗ trợ xây dựng 17 tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia Dinh Hoàng A Tưởng.

- Hỗ trợ trang thiết bị cho 93 nhà văn hóa tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

2.7.1. Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tiếp tục đầu tư hoàn thành công trình Trung tâm Y tế, huyện Si Ma Cai, sớm bàn giao đưa vào sử dụng.

- Triển khai điểm tiêm chủng ngoài trạm trong tiêm chủng thường xuyên đối với các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn về địa lý hoặc trong chiến dịch tiêm chủng tại 09 huyện/thị xã/thành phố.

- Các Trung tâm y tế phối hợp Trạm y tế xã để xác định các thôn bản nguy cơ cao có tỷ lệ tiêm chủng thấp và lập kế hoạch tiêm chủng để đảm bảo tổ chức điểm tiêm chủng ngoài trạm thực hiện tiêm chủng các vắc xin trong tiêm chủng mở rộng ít nhất 1 buổi/tháng tại các địa bàn này.

- Tổ chức buổi tiêm chủng ngoài trạm thực hiện theo Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và Thông tư 34/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ Y tế hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng. Mức hỗ trợ điểm tiêm chủng ngoài trạm thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025.

2.7.2. Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS và miền núi

a. Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Triển khai đồng bộ các hoạt động của Chương trình Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh được phê duyệt tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 66/TCDS-KHTC ngày 23/02/2021 của Tổng cục Dân số-KHHGD về định hướng công tác dân số giai đoạn 2021-2025 và một số nội dung trọng tâm năm 2021; Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về Triển khai thực hiện “Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Truyền thông, vận động chính sách, pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình; tổ chức tư vấn chuyên môn tại cộng đồng về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông giáo dục về tảo hôn, hôn nhân cận huyết và bệnh tan máu bẩm sinh.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị y tế kết hợp với tăng cường năng lực cán bộ chuyên môn kỹ thuật theo hướng mở rộng phổ cập tới tuyến cơ sở.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh.

+ Nội dung tư vấn, khám sức khỏe trước kết hôn: Thực hiện theo Quyết định số 25/QĐ-BYT ngày 07/01/2011 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân.

+ Nội dung tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh: Thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn tại Thông tư số 34/2017/TT-BYT ngày 18/8/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; Thông tư số 30/2019/TT-BYT ngày 03/12/2019 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 30/2017/TT-BYT; Quyết định số 1807/QĐ-BYT ngày 21/4/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh.

- Nội dung chi và mức chi theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ nam, nữ thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; hỗ trợ bà mẹ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh; hỗ trợ tầm soát, chẩn đoán điều trị sơ sinh theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1999/QĐ-TTg ngày 07/12/2020.

b. Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số.

- Triển khai đồng bộ các hoạt động của Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 13/3/2021 của UBND tỉnh Lào Cai, Kế hoạch Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2030.

- Tăng cường tuyên truyền, vận động; xây dựng môi trường xã hội ủng hộ và tham gia chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi; nhân bản cảm nang hướng dẫn người cao tuổi tự chăm sóc sức khỏe tại gia đình.

- Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe, sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.

- Thực hiện các nội dung khám sức khỏe theo thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về Hướng dẫn khám sức khỏe và Thông tư số

35/TT-BYT ngày 13/10/2011 của Bộ Y tế về Hướng dẫn thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Nội dung chi và mức chi thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính và quy định Tài chính hiện hành liên quan.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ người cao tuổi tham gia khám sức khỏe trong chiến dịch theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính và của Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020.

c. Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới.

- Tuyên truyền, vận động chính sách, pháp luật về dân số, cư trú, biên giới phù hợp với tâm lý, tập quán của đồng bào sinh sống tại vùng đồng bào DTTS&MN, khu vực biên giới.

- Cập nhật thông tin về dân số, kế hoạch hóa gia đình của hộ gia đình từ Sổ ghi chép ban đầu về dân số của cộng tác viên dân số.

- Nội dung chi và mức chi thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính và quy định Tài chính hiện hành liên quan.

d. Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động: Thực hiện kiểm tra giám sát, quản lý hoạt động chương trình tại 9/9 huyện, thị xã, thành phố.

2.7.3. Hoạt động “Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ - trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong và sau sinh nhằm nâng cao tâm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số” (Thực hiện theo Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tâm vóc người Việt Nam).

a. Nâng cao năng lực cho cán bộ Y tế/người cung cấp dịch vụ tại các tuyến về chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời.

Trên cơ sở tài liệu và đội ngũ giảng viên tuyển tỉnh đã được Bộ Y tế tập huấn, các đơn vị tổ chức triển khai tập huấn về chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho các đối tượng học viên là cán bộ y tế/người cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, chăm sóc sức khỏe sinh sản tại tỉnh, huyện, xã, thôn bản với thời gian tập huấn từ 03-05 ngày/lớp.

b. Triển khai mô hình Chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời

Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn triển khai mô hình của Bộ Y tế tại quyết định 2869/QĐ-BYT ngày 13/7/2023, các đơn vị xây dựng kinh phí để duy trì, kiện toàn các mô hình từ các năm trước và tổ chức triển khai thêm các hoạt động tại các xã chưa xây dựng mô hình trong phạm vi 66 xã khu vực III trên địa bàn tỉnh Lào

Cai theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo chỉ tiêu được giao, các hoạt động cụ thể như sau:

- Tổ chức khảo sát ban đầu tại các địa bàn sẽ triển khai: thu thập và tổng hợp số liệu báo cáo thực địa, đề xuất nhu cầu, tổ chức các buổi thực địa,...

- Triển khai tư vấn, hướng dẫn chăm sóc dinh dưỡng trong 1000 ngày đầu đời lồng ghép trong chăm sóc trước sinh tại trạm y tế xã và tại cộng đồng.

- Thực hiện Quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ (EENC) với các trường hợp sinh thường để trẻ được bú sớm trong 1 giờ đầu sau sinh tại trạm y tế xã có đỡ đẻ.

- Tổ chức khám sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai 3 lần/thai kỳ/người (có thể lồng ghép vào khám thai); trẻ em dưới 2 tuổi 3 tháng/lần/trẻ (có thể lồng ghép vào khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em).

- Tổ chức các buổi hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ dựa trên các sản phẩm/thực phẩm tại địa phương.

c. Hỗ trợ để cải thiện sức khỏe và dinh dưỡng của các bà mẹ mang thai và trẻ nhỏ bao gồm cả các trường hợp khẩn cấp, mất mùa, thiên tai, dịch bệnh,...

- Cung cấp sắt cho phụ nữ có thai (Phôi hợp lồng ghép từ nguồn sắt/đa vi chất do Viện dinh dưỡng cung cấp miễn phí và các nguồn khác): Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4944/QĐ-BYT ngày 27/11/2014 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng và các hướng dẫn của đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

- Cấp phát sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ trên 6 tháng đến 23 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng để bổ sung vào bữa bột/cháo (bao gồm cả các trường hợp khẩn cấp: mất mùa, thiên tai, dịch bệnh,...): Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4944/QĐ-BYT, ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng và các hướng dẫn của đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

- Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng: Đối tượng: Trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi được chẩn đoán suy dinh dưỡng cấp tính nặng. Thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 4487/QĐ-BYT ngày 18/8/2016 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn chẩn đoán về điều trị bệnh suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi và Quyết định số 3779/QĐ-BYT ngày 26/8/2019 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn thực hiện quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi và hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Y tế.

d. Cũng cố và hoàn thiện mạng lưới chuyên trách và cộng tác viên dinh dưỡng ở thôn/bản vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số: Rà soát, tổng hợp, kiện toàn danh sách y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản và cộng tác viên dinh dưỡng để xây dựng kế hoạch tập huấn nâng cao kiến thức để triển khai các can thiệp dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời.

e. Tăng cường hỗ trợ, theo dõi, giám sát hỗ trợ và báo cáo công tác chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ trẻ em tại 138 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.7.4. Nhóm hoạt động Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ trẻ em

Tuyển tỉnh

a. Nâng cao năng lực về kiến thức, kỹ năng làm mẹ an toàn chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em cho CBYT để thực hiện gói dịch vụ can thiệp nhằm giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh: Tham gia hội nghị, hội thảo; tập huấn tại TW nâng cao năng lực về kiến thức, kỹ năng về Làm mẹ an toàn chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em để thực hiện các gói can thiệp nhằm giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh; Tập huấn tại tỉnh cho cán bộ y tế tuyến huyện, xã, CĐTĐB dự kiến 08 lớp về các nội dung hệ thống ghi chép báo cáo, Chăm sóc trước trong và sau sinh cho bà mẹ và trẻ sơ sinh; Xét nghiệm sàng lọc 3 bệnh lây truyền mẹ con (HIV, Giang Mai, Viêm gan B); Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi.

b. Chuyên môn, kỹ thuật triển khai can thiệp sức khỏe sinh sản: Tổ chức thẩm định các trường hợp tử vong mẹ, phối hợp tổ chức điều tra tử vong mẹ, tử vong trẻ sơ sinh và đánh giá năng lực người đỡ đẻ theo hướng dẫn của Vụ Sức khỏe Bà mẹ - trẻ em

c. Theo dõi, giám sát, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật tuyến huyện, xã thực hiện các gói chính sách hỗ trợ về Chăm sóc trước, trong, sau sinh và chăm sóc sức khỏe trẻ em tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tuyển huyện

a. Hằng năm, địa phương lập danh sách Cô đỡ thôn, bản thuộc các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đã được đào tạo và đang trực tiếp thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng; lập kế hoạch, dự trù kinh phí và chi trả phụ cấp cho các Cô đỡ thôn bản theo quy định, đảm bảo quyền lợi của cô đỡ và tránh trùng lặp nguồn kinh phí chi trả.

b. Phối hợp với Hội LHPN triển khai, thực hiện các gói chính sách hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em tại các xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cụ thể:

* Gói 1: Chăm sóc trước sinh

- Tuyên truyền, vận động phụ nữ khám thai định kỳ (tối thiểu 4 lần/thai kỳ) tại các cơ sở y tế.

- Triển khai hoạt động xét nghiệm protein niệu và sàng lọc HIV, Viêm Gan B, Giang Mai bằng test nhanh miễn phí cho PNCT tại các xã khu vực III.

- Mua sắm, cung cấp que thử Protein niệu cho CĐTĐB để thực hiện xét nghiệm tại nhà cho phụ nữ có thai không đến khám thai tại cơ sở y tế;

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp số liệu báo cáo định kỳ và đột xuất về thực hiện các gói chính sách hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

* Gói 2: Hỗ trợ chăm sóc trong sinh

- Hỗ trợ kinh phí cho nhân viên y tế, cô đỡ thôn bản đỡ đẻ tại nhà cho bà mẹ không đến đẻ tại cơ sở y tế.

- Mua túi dụng cụ cô đỡ thôn bản phát cho CDTB chưa có túi hoặc túi hỏng không sử dụng được.

- Mua gói đỡ đẻ sạch cấp cho phụ nữ mang thai, CDTB để thực hiện đỡ đẻ tại nhà.

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp số liệu báo cáo định kỳ và đột xuất về thực hiện các gói chính sách hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

* Gói 3: Hỗ trợ chăm sóc sau sinh

- Hỗ trợ kinh phí cho nhân viên y tế/cô đỡ thôn bản khi thực hiện chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh tại nhà (3 lần trong vòng 42 ngày sau đẻ).

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp số liệu báo cáo định kỳ và đột xuất về thực hiện các gói chính sách hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

* Gói 4: Chăm sóc sức khỏe trẻ em

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi. Thực hiện báo cáo theo quy định.

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp số liệu báo cáo định kỳ và đột xuất về thực hiện các gói chính sách hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

2.7.5. Nhóm hoạt động “Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em”

Tổ chức, phát động chiến dịch truyền thông về Tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ vào tháng 8 hằng năm; Tuần lễ Làm mẹ an toàn vào tháng 10 hằng năm;

Phát triển, xây dựng các sản phẩm truyền thông về chăm sóc SKBMTE phù hợp với bối cảnh văn hóa của từng dân tộc, bao gồm tin bài, video phổ biến kiến thức, phóng sự, trailer quảng bá, bài phát thanh...trên các phương tiện truyền thông đại chúng và mạng xã hội;

Phát triển, xây dựng và in ấn, nhân bản các sản phẩm truyền thông phù hợp với bối cảnh văn hóa của từng dân tộc (tờ rơi, áp phích, tranh lật, sách mỏng...);

Nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ các cấp bao gồm cán bộ y tế và ban ngành, đoàn thể cấp cơ sở về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em thông qua hoạt động tập huấn;

Giám sát hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật triển khai hoạt động truyền thông tại các huyện, thị xã. Hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật hoạt động truyền thông tại các huyện, thị xã.

2.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.

- Nội dung 1: Tuyên truyền, vận động thay đổi nếp nghĩ, cách làm góp phần xóa bỏ định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết dự kiến tập huấn 01 lớp nâng cao năng lực vận hành tổ truyền thông cộng đồng cho cán bộ HPN cấp huyện cho khoảng 65 cán bộ HPN cấp huyện. Tập huấn 02 lớp hỗ trợ nâng cao kỹ năng vận hành tổ truyền thông cộng đồng cho thành viên tổ truyền thông cộng đồng mô hình điểm của tỉnh cho 50 người. Hỗ trợ duy trì hoạt động 423 tổ nhóm truyền thông cộng đồng tại 138 xã, phường, thị trấn. Tổ chức 24 Hội thi/liên hoan các mô hình sáng tạo và hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình, mua bán phụ nữ và trẻ em (trong đó cấp xã 14, cấp huyện 09, cấp tỉnh 01 Hội thi/liên hoan). Cấp huyện tổ chức 09 Hội nghị đánh giá kết quả sau chiến dịch truyền thông; Tổ chức 09 Hội thi liên hoan các mô hình sáng tạo, hiệu quả trong xóa bỏ định kiến giới, bạo lực gia đình, mua bán phụ nữ và trẻ em; Tổ chức 28 lớp/1.350 người tập huấn hướng dẫn, củng cố nâng cao năng lực triển khai mô hình; Tổ chức 350 cuộc chiến dịch sự kiên truyền thông, tuyên truyền; Tổ chức 30 cuộc hội nghị đối thoại chính sách tại 30 xã, thị trấn. Cấp xã tổ chức 10 cuộc giao lưu chia sẻ kinh nghiệm tổ TTCĐ; cấp xã thực hiện 66 cuộc truyền thông tại 66 tổ TTCĐ; thực hiện 14 Hội nghị truyền thông về cải tạo tập tục lạc hậu; thực hiện 23 hội nghị đối thoại chính sách cụm thôn bản;

- Nội dung 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi nếp nghĩ cách làm nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em. Hỗ trợ thí điểm 05 mô hình sinh kế do phụ nữ làm chủ (tổ nhóm sinh kế, tổ hợp tác, hợp tác xã có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ) ứng dụng công nghệ 4.0 để quảng bá, phát triển các sản phẩm bản địa, cải thiện sản xuất, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, kết nối thị trường, tập huấn 02 lớp nâng cao năng lực, hướng dẫn tư vấn truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng sản phẩm cho 80 người (Ban chủ quản lý, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ liên kết sản xuất kinh doanh). Xây dựng và nhân rộng 09 mô hình Địa chỉ tin cậy tại cộng đồng, Tập huấn 04 lớp nâng cao kiến thức cho thành viên mô hình địa chỉ tin cậy tại cộng đồng cho 144 người (Ban Quản lý mô hình địa chỉ tin cậy cộng đồng). Cấp huyện thành lập và củng cố 06 địa chỉ tin cậy cộng đồng;

- Nội dung 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển KTXH của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị. Cấp tỉnh tổ chức 52 hội nghị đối thoại chính sách cấp xã và cụm thôn bản, 09 cuộc giám sát theo chủ đề của từng năm cấp huyện, 03 cuộc giám sát theo chủ đề của từng năm cấp tỉnh. Tổ chức 14 lớp tập huấn cho cán bộ ở cơ sở về cách thức thành lập và vận hành CLB “Thủ lĩnh của sự thay đổi” theo Sổ tay hướng dẫn của TW Hội cho 980 người. Tổ chức 01 lớp tập huấn cho cán bộ nữ chủ chốt trong quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo trong hệ thống chính trị ở cấp huyện, cấp xã về kỹ năng, kinh nghiệm vận động ứng cử vào các cơ quan dân cử. Cấp huyện tổ chức 09 cuộc giao lưu chia sẻ kinh nghiệm triển khai mô hình CLB “Thủ lĩnh của sự thay đổi” giữa các trường trên địa bàn huyện;

- Nội dung 4: Cấp tỉnh tổ chức 23 Hội nghị tập huấn về hướng dẫn GS&ĐG về BĐG cho 1.840 CB xã, thôn. Cấp huyện tổ chức 25 lớp tập huấn theo Chương trình 3 về phát triển năng lực LGG cho 1.250 cán bộ, người có uy tín trong cộng đồng.

2.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn.

2.9.1. Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù:

- Tiếp tục đầu tư, hoàn thành 27 công trình hạ tầng thiết yếu (17 công trình giao thông nông thôn, 1 công trình cầu, 1 công trình trường học, 2 công trình thủy lợi, 1 công trình điện sinh hoạt, 03 công trình nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, 02 công trình kè thuộc thôn ĐBKK có cộng đồng người dân tộc Bô Y sinh sống tập trung theo quy định;

- Đầu tư, hoàn thành các công trình hạ tầng thiết yếu thôn ĐBKK có cộng đồng người dân tộc Bô Y sinh sống tập trung theo quy định;

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung, kế hoạch vốn năm 2023 chưa thực hiện hết chuyển nguồn sang năm 2024 như: hỗ trợ phát triển sản xuất tại các thôn có người Bô Y sinh sống; Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho người dân tộc Bô Y: Tổ chức các lớp dạy tiếng theo hình thức truyền khẩu; lớp dạy truyền văn hóa truyền thống tiêu biểu tại các dân tộc tại các thôn, bản; khôi phục bảo tồn nhạc cụ; sưu tầm các loại hình văn hóa truyền thống đặc sắc của dân tộc Bô Y; Hỗ trợ đối với bà mẹ mang thai và trẻ em dưới 5 tuổi tiếp tục xây dựng các mô hình nâng cao chất lượng dân số tại thôn, bản có đông đồng bào dân tộc Bô Y sinh sống tập trung; thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng các công trình tại các thôn được thụ hưởng theo quy định.

2.9.2. Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Truyền thông nâng cao nhận thức: Tổ chức các Hội nghị tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao nhận thức về tác hại, hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, phụ nữ DTTS dưới 18 tuổi sinh con gắn với chăm sóc sức khỏe sinh sản và thực hiện các biện pháp KHHGD;

- Tổ chức Chiến dịch truyền thông chống tảo hôn: Phát động toàn bộ hệ thống chính trị từ tỉnh tới cơ sở, nhân dân các dân tộc tham gia thực hiện chiến dịch truyền thông về phòng, chống tảo hôn, thực hiện bình đẳng giới, chống bạo lực gia đình, thực hiện chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh;

- Tổ chức phát động thực hiện Phong trào “Xã, thôn, bản không có tảo hôn, không có phụ nữ dưới 18 tuổi sinh con”;

- Tổ chức 01 Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống gắn với chăm sóc sức khỏe sinh sản và thực hiện các biện pháp KHHGD trong vùng đồng bào DTTS;

- Tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn cho Ban chỉ đạo cấp huyện và cấp xã, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên cơ sở, giáo viên;

- Tiếp tục thực hiện duy trì 17 mô hình điểm về phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Lào Cai; kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, phụ nữ sinh con dưới 18 tuổi.

2.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

2.10.1. Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024, thực hiện các nội dung sau:

- Nội dung 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín. Tổ chức các hội nghị tập huấn cho người có uy tín trong đồng bào DTTS, cụ thể:

+ Cấp tỉnh: Tổ chức 03 hội nghị tập huấn đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS bao gồm: Huyện Mường Khương, Bắc Hà và huyện Si Ma Cai cho khoảng 364 người; Tổ chức đón các đoàn người có uy tín các huyện, thị xã đến thăm các cơ quan tỉnh: khoảng 9 đoàn với số lượng là 315 người; Tổ chức đón đại biểu là người có uy tín các tỉnh bạn đến thăm Ban Dân tộc, dự kiến 10 đoàn, khoảng 750 đại biểu; Tổ chức thăm hỏi người có uy tín ốm đau, thiên tai hỏa hoạn, người có uy tín hoặc thân nhân người có uy tín chết; Cấp Báo Lào Cai cho 1.117 người có uy tín;

+ Cấp huyện: Tổ chức tặng quà cho 1.117 người có uy tín nhân dịp Tết nguyên đán; Tổ chức thăm hỏi người có uy tín ốm đau, thiên tai, hỏa hoạn, người có uy tín, thân nhân người có uy tín chết; tổ chức đưa 310 người có uy tín tiêu biểu đi thăm quan, học tập kinh nghiệm trong tỉnh; tập huấn cho khoảng 1 nghìn người có uy tín trên địa bàn về chính sách dân tộc và các nội dung phát huy vai trò người có uy tín và khen thưởng người có uy tín tiêu biểu.

- Nội dung 2: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện các nội dung: Tổ chức 03 hội thi nâng cao nhận thức pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số và các hội nghị tuyên truyền trực tiếp cho đồng bào dân tộc thiểu số các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới về các chính sách dân tộc và kết quả thực hiện chính sách dân tộc; gương người tốt, việc tốt

trong chấp hành và thực hiện pháp luật, chính sách dân tộc gắn với tuyên truyền, vận động đồng bào cảnh giác trước âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá Đảng, Nhà nước; phá hoại khối đoàn kết dân tộc; tiếp tục duy trì 01 mô hình phổ biến giáo dục pháp luật; Xây dựng tiêu phẩm pháp luật tuyên truyền các chính sách pháp luật dành cho đồng bào dân tộc thiểu số để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử phổ biến giáo dục pháp luật; Biên soạn, in ấn, cấp phát tài liệu tìm hiểu pháp luật dành cho đồng bào dân tộc thiểu số (tờ gấp/tài liệu hỏi – đáp/ tình huống pháp luật,...); tổ chức 07 Hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng tôn giáo cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản thuộc các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi có đồng bào theo tôn giáo là người dân tộc thiểu số nhằm nâng cao cảnh giác trước âm mưu lợi dụng tuyên truyền đạo trái pháp luật để chống phá Đảng, Nhà nước.

- Nội dung 3: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tổ chức các hội nghị tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Biên soạn, in ấn tài liệu về chính sách TGPL và nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý điểm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (tổ chức các đợt truyền thông).

2.10.2. Tiểu dự án 2: Tiếp tục thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó tập trung thực hiện nội dung hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã để phục vụ phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh trật tự; tổ chức các lớp tập huấn nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng về công nghệ thông tin, sử dụng internet phục vụ tìm kiếm, quảng bá các sản phẩm địa phương tại vùng đồng bào DTTS của tỉnh; học tập các kỹ năng bán hàng, kỹ năng chăm sóc khách hàng trên các trang thương mại điện tử; tổ chức khảo sát các hợp tác xã, tổ hợp tác là thành viên của Liên minh HTX tỉnh về thực trạng sản xuất kinh doanh, năng lực tài chính, sản phẩm, hạ tầng thiết bị, trình độ nhân sự chuyên trách XTTM, nhu cầu chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử vùng đồng bào DTTS và MN...

2.10.3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn, tổ chức thực hiện Chương trình: Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình định kỳ theo kế hoạch và theo các văn bản hướng dẫn của trung ương.

III. KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Tổng vốn huy động thực hiện Chương trình năm 2024 dự kiến 1.918.969 triệu đồng, trong đó:

- Vốn giao trung ương năm 2024: 1.125.419 triệu đồng, trong đó:
- + Vốn đầu tư: 608.096 triệu đồng.

+ Vốn sự nghiệp: 517.323 triệu đồng (trong đó vốn đã phân bổ: 426.613 triệu đồng; vốn chưa phân bổ: 90.710 triệu đồng).

- Vốn ngân sách tỉnh dự kiến: 252.900 triệu đồng;

- Vốn ngân sách huyện dự kiến: 37.381 triệu đồng;

- Vốn tín dụng: 12.500 triệu đồng;

- Vốn huy động cộng đồng dự kiến: 85.500 triệu đồng;

- Vốn năm 2022, 2023 dự kiến chuyên nguồn: 405.269 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư: 29.621 triệu đồng; vốn sự nghiệp 375.648 triệu đồng.

(Có các phụ lục kèm theo)

IV. NGUYÊN TẮC VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thực hiện

- Về nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách:

+ Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 19/4/2022 của HĐND tỉnh về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 14/11/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

+ Đối với các dự án đầu tư: Ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án đã quyết toán, dự án hoàn thành trong năm 2024, dự án chuyển tiếp. Sắp xếp thứ tự ưu tiên khởi công mới các dự án trong năm 2024 bảo đảm tính khả thi về thủ tục đầu tư, thực hiện và giải ngân, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản;

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, bền vững, không dàn trải, tập trung cho các xã, thôn khó khăn nhất; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án trọng điểm, có tính chất lan tỏa, tạo động lực mới phát triển ngành, lĩnh vực ở địa phương; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, khó khăn nhất. Thực hiện Chương trình này phải lồng ghép với các chương trình dự án khác trên từng địa bàn và gắn với thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới của xã, huyện.

- Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư; thực hiện tốt phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, thực hiện công

khai, dân chủ từ cơ sở, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân.

- Các đơn vị chủ đầu tư trực tiếp sử dụng ngân sách của Chương trình phải có trách nhiệm triển khai thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công và cơ chế đặc thù đối với Chương trình mục tiêu quốc gia; đảm bảo việc giải ngân hoàn thành kế hoạch vốn được giao.

- Ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đăng ký thoát khỏi thôn, xã đặc biệt khó khăn; phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị có nhiều hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia; phát triển kinh tế tập thể, tổ hợp tác, hợp tác xã ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong quá trình thực hiện Chương trình.

2. Giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình

2.1. Về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình

Tăng cường vai trò trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và của các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu tổng hợp các nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần, các lĩnh vực thuộc chương trình ở các cấp, địa phương.

2.2. Về giải pháp huy động vốn

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn để thực hiện Chương trình, trong đó ngân sách nhà nước (NSTW, NS tỉnh, NS huyện) đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa quyết định; có giải pháp huy động các nguồn vốn ODA; vốn vay tín dụng, tăng cường huy động các nguồn đóng góp hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

- Lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn của Chương trình này với các chương trình, dự án khác trên địa bàn cho phù hợp để phát huy hiệu quả cao. Trong đó phải gắn với nhiệm vụ, kế hoạch thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới của từng địa bàn cấp huyện, cấp xã.

- Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của tỉnh và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

2.3. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ

- Bám sát các văn bản của Trung ương về cơ chế đặc thù để tham mưu triển khai tại địa phương; các sở, ngành tiếp tục hoàn chỉnh các văn bản hướng dẫn, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình đảm bảo đồng bộ, phù hợp với các văn bản hướng dẫn của trung ương và điều kiện thực tế ở địa phương.

2.4. Về công tác tuyên truyền

Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng mục tiêu của Chương trình đến mọi cấp, mọi ngành, các tầng lớp dân cư và người dân tộc thiểu số nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc, giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là người dân tộc thiểu số nghèo.

2.5. Công tác giám sát đánh giá thực hiện Chương trình

Các cấp, các ngành theo chức năng, nhiệm vụ, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình theo Chương VII, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và các quy định hiện hành về kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư; Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc, gửi Ban Dân tộc tỉnh và các quy định hiện hành về kiểm tra, giám sát, đánh giá đầu tư.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị đề tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân công quy định tại Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 27/10/2022; Quyết định số 775/QĐ-BCĐ ngày 15/4/2022 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Lào Cai về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025.

2. Ban Dân tộc

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành và các địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG tỉnh tổ chức triển khai, điều phối thực hiện Chương trình theo quy định; tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện theo yêu cầu của trung ương và của UBND tỉnh;

- Trong quá trình triển khai thực hiện, cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với thực tế ở địa phương, hướng dẫn của trung ương, giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, các đơn vị được phân công phụ trách các nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần thuộc Chương trình và các huyện, thị xã, thành phố tham mưu báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, định kỳ, đột xuất tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh và các Sở, ngành có liên quan tổng hợp, cân đối và phân bổ nguồn vốn đầu tư để thực hiện kế hoạch chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn tỉnh để thực hiện kế hoạch đảm bảo đúng quy định.

- Tham gia thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.

4. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh và các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt chi tiết dự toán kinh phí sự nghiệp theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn ngân sách tỉnh để lồng ghép, đối ứng thực hiện chương trình. Báo cáo tiến độ giải ngân vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch nguồn vốn sự nghiệp Chương trình (nếu có) đảm bảo theo quy định.

- Hướng dẫn các đơn vị, chủ đầu tư thanh, quyết toán kinh phí thực hiện chương trình đúng quy định của pháp luật.

- Tham gia thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.

5. Các sở, ban, ngành được phân công chủ trì Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình hoặc cơ các quan ở cấp tỉnh theo chức năng quản lý lĩnh vực.

- Tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp, báo cáo các chỉ tiêu thực hiện Chương trình theo hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định, gửi Ban Dân tộc để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Dân tộc;

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Ban Dân tộc để tổng hợp theo quy định.

Nhiệm vụ của các cơ quan cấp tỉnh chủ trì các nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần hoặc cơ quan phụ trách lĩnh vực quản lý theo chức năng thuộc Chương trình được UBND tỉnh phân công tại Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh.

6. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Phối hợp với các sở, ngành liên quan, các tổ chức hội, đoàn thể nhận ủy thác triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao hiệu quả và mở rộng vốn tín dụng ưu đãi đối với các dự án phát

triển sản xuất, kinh doanh; tham mưu đề xuất với các cơ quan Trung ương sửa đổi, bổ sung cơ chế, định mức cho vay đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số cho phù hợp.

Định kỳ báo cáo về Ban Dân tộc tỉnh kết quả thực hiện, giải ngân nguồn vốn tín dụng theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ và nguồn vốn tín dụng theo các nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Tuyên truyền, vận động, huy động nguồn lực thực hiện Chương trình gắn với phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”. Tuyên truyền nhân rộng các gương tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến và phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình. Phối hợp thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ mức vốn, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình và tình hình thực tế tại địa phương để xây dựng và phê duyệt, phân bổ Kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2024 của cấp huyện theo quy định, giao cho các cơ quan, đơn vị, cấp xã trực thuộc thực hiện; đồng thời gửi Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan chủ trì Dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình để theo dõi;

- Tăng cường quản lý chất lượng, nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư; chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về tiến độ, chất lượng, hiệu quả nội dung, nguồn vốn được giao quản lý thực hiện Chương trình trên địa bàn;

- Hoàn thiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án còn lại trong kế hoạch giai đoạn 2021-2025 theo quy định hiện hành; quyết định phân bổ vốn chi tiết cho các dự án để triển khai thực hiện; đồng thời gửi Quyết định giao vốn chi tiết cho Ban Dân tộc tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài Chính và các cơ quan có liên quan theo dõi, quản lý.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận, phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị tại địa phương trong thực hiện Chương trình; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng, người dân tại địa phương trong thực hiện Chương trình, nhà nước hỗ trợ, người dân chủ động thực hiện;

- Bố trí nguồn vốn thực hiện các nội dung/tiểu dự án/dự án thành phần của Chương trình phù hợp để đảm bảo hoàn thành tất cả các mục tiêu, chỉ tiêu của chương trình đề ra, đồng thời đảm bảo theo quy định về sử dụng nguồn vốn; tổ chức huy động các nguồn lực từ doanh nghiệp, cộng đồng, người dân để thực hiện các nội dung của Chương trình theo quy định. Tập trung xây dựng, nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân, giảm nghèo bền vững;

- Tổ chức thực hiện các phong trào thi đua hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; kịp thời biểu dương, nhân rộng các gương tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu, tạo sức lan tỏa sâu rộng của phong trào thi đua từ cơ sở;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, thanh tra việc tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn; kịp thời giải quyết, kiến nghị giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện từ cơ sở. Thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

Căn cứ nội dung Kế hoạch triển thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lào Cai; yêu cầu các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các hội, đoàn thể có liên quan tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về Ban Dân tộc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- VP Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Các bộ, cơ quan TW chủ trì nội dung, tiểu dự án, DA thành phần thuộc CT MTQG 1719;
- TT. TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, T phố;
- Đài PTTH, Báo KH, Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, NTN, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng Thị Dung